

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, THAM VẤN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ NỘP TIỀN ĐỀ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA KHI CHUYỂN TỪ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA SANG MỤC ĐÍCH PHI NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn đối với dự thảo Quyết định quy định về nộp tiền đề Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn và tổng số ý kiến nhận được:

Đã nhận được ý kiến phản hồi của **79/176** cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến.

2. Kết quả cụ thể như sau:

a. Các đơn vị thống nhất với Dự thảo Tờ trình; Dự thảo Quyết định, và không có ý kiến góp ý: **68/79** đơn vị, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Số Công văn ban hành
1	Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp	2219/UBND-PKT ngày 08/6/2026
2	Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa	1657/UBND-KT ngày 05/6/2026
3	Ủy ban nhân dân phường Tam Thắng	2460/UBND-KTHTĐT ngày 09/6/2026
4	Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán	1243/UBND-KTHTĐT ngày 10/6/2026
5	Ủy ban nhân dân xã Hưng Long	1339/UBND-KT ngày 09/6/2026
6	Ủy ban nhân dân phường bình Tiên	1673/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
7	Ủy ban nhân dân phường An Nhơn	1212/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
8	Ủy ban nhân dân phường Tây Nam	1915/UBND-KT ngày 11/6/2026
9	Ủy ban nhân dân phường Gò Vấp	2030/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
10	Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh	1683/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
11	Ủy ban nhân dân phường Tân Bình	1159/UBND-KTHTĐT ngày 10/6/2026

12	Ủy ban nhân dân phường Phú Định	1483/UBND-KTHTĐT ngày 10/6/2026
13	Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm	2417/UBND-KT ngày 10/6/2026
14	Ủy ban nhân dân phường Cầu Kiệu	1232/UBND ngày 08/6/2026
15	Ủy ban nhân dân phường Bến Thành	1314/UBND-KTHTĐT ngày 08/6/2026
16	Ủy ban nhân dân phường Bình Thới	2128/UBND-KTHTĐT ngày 09/6/2026
17	Ủy ban nhân dân phường Sài Gòn	2094/UBND-KTHTĐT ngày 08/6/2026
18	Ủy ban nhân dân phường Long Bình	1555/UBND-KTHTĐT ngày 09/6/2026
19	Ủy ban nhân dân xã Bình Châu	2241/UBND-KT ngày 08/6/2026
20	Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh	1309/UBND-KTHT&ĐT ngày 09/6/2026
21	Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú	2065/UBND-KTHTĐT ngày 09/6/2026
22	Ủy ban nhân dân phường Tân Định	1437/UBND-KTHTĐT ngày 09/6/2026
23	Ủy ban nhân dân phường Thuận An	1957/UBND-KT ngày 12/6/2026
24	Ủy ban nhân dân xã Bàu Bàng	1458/UBND-KT ngày 10/6/2026
25	Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông	2968/UBND ngày 10/6/2026
26	Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ	2612/UBND-KTHTĐT ngày 10/6/2026
27	Ủy ban nhân dân phường Thông Tây Hội	2451/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
28	Ủy ban nhân dân phường Bình Giã	1077/UBND-KT ngày 11/6/2026
29	Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên	1065/UBND-KT ngày 11/6/2026
30	Ủy ban nhân dân phường Chợ Lớn	1100/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
31	Ủy ban nhân dân phường Bình Lợi Trung	1200/UBND-KTHTĐT ngày 12/6/2026
32	Ủy ban nhân dân phường Khánh Hội	929/UBND-KTHTĐT ngày 12/6/2026
33	Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp	1947/UBND-KTTH ngày 12/6/2026
34	Ủy ban nhân dân phường Bình Tây	1194/UBND-KTHTĐT ngày 08/6/2026
35	Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm	1340/UBND-KTHTĐT ngày 11/6/2026
36	Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao	1714/UBND-KT ngày 12/6/2026
37	Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo	2047/UBND ngày 12/6/2026
38	Ủy ban nhân dân phường Xóm Chiếu	1109/UBND-ĐT ngày 11/6/2026
39	Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa	1544/UBND-KT ngày 12/6/2026
40	Ủy ban nhân dân phường Xóm Chiếu	1109/UBND-ĐT ngày 11/6/2026
41	Ủy ban nhân dân phường Gia Định	2071/UBND-KTHTĐT ngày 16/6/2026
42	Ủy ban nhân dân phường An Tây Hội	3029/UBND-KTHTĐT ngày 16/6/2026

43	Ủy ban nhân dân phường Phú Nhuận	383/UBND ngày 13/6/2026
44	Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa	756/UBND-ĐT ngày 15/6/2026
45	Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa	1228/UBND-KT ngày 16/6/2026
46	Ủy ban nhân dân phường Đức Nhuận	1421/UBND-KTHTĐT ngày 15/6/2026
47	Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây	2745/UBND-KTHTĐT ngày 15/6/2026
48	Ủy ban nhân dân phường Diên Hồng	1975/UBND-KTHTĐT ngày 15/6/2026
49	Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội	6240/UBND-KT ngày 15/6/2026
50	Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì	2000/UBND-KTHTĐT ngày 17/6/2026
51	Ủy ban nhân dân phường Tân Khánh	1748/UBND-ĐĐ ngày 18/6/2026
52	Ủy ban nhân dân phường Bến Cát	4865/UBND-KT ngày 18/6/2026
53	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc	1613/UBND-KT ngày 18/6/2026
54	Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi	2800/UBND-VP ngày 18/6/2026
55	Ủy ban nhân dân phường Bình Tân	2775/UBND ngày 19/6/2026
56	Ủy ban nhân dân xã Kim Long	1705/UBND-KT ngày 19/6/2026
57	Ủy ban nhân dân phường Rạch Dừa	2422/UBND-KTHT&ĐT ngày 16/6/2026
58	Ủy ban nhân dân phường Bình Cơ	1323/UBND-KTHT ngày 17/6/2026
59	Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh	1390/UBND ngày 17/6/2026
60	Kho bạc Nhà nước khu vực II	1271/KBII-KTNN ngày 17/6/2026
61	Ủy ban nhân dân phường Phước Long	1394/UBND-KTHTĐT ngày 22/6/2026
62	Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp	1295/UBND-KT ngày 22/6/2026
63	Ủy ban nhân dân xã Bắc Tân Uyên	1521/UBND-KTHT ngày 23/6/2026
64	Ủy ban nhân dân xã Thạnh An	1752/UBND-KT ngày 23/6/2026
65	Ủy ban nhân dân phường Tân Uyên	2919/UBND-KTHT ngày 18/6/2026
66	Ủy ban nhân dân xã Củ Chi	2763/UBND-KT ngày 15/6/2026
67	Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình	1325/UBND-KTHTĐT ngày 23/6/2026
68	Ủy ban nhân dân phường Tân Mỹ	3598/UBND-KTHTĐT ngày 26/6/2026

b. Các đơn vị có ý kiến góp ý: 11/79 đơn vị, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Số Công văn ban hành
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	17617/SNNMT-QLĐ ngày 10/6/2026

2	Ủy ban nhân dân xã Phước Hải	4421/UBND-PKT ngày 09/6/2026
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM	1214/MTTQ-BTT ngày 11/6/2026
4	Sở Khoa học và Công nghệ	5490/SKHHCN-KTPC ngày 10/6/2026
5	Sở Tư pháp	6754/STP-VB ngày 12/6/2026
6	Sở Nội vụ	10663/SNV-KTPC ngày 12/6/2026
7	Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn	3721/UBND-KT ngày 12/6/2026
8	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	14448/VP-HCC ngày 12/6/2026
9	Ủy ban nhân dân phường Tam Long	4659/UBND-KTHTĐT ngày 15/6/2026
10	Ủy ban nhân dân phường Thủ Dầu Một	1616/UBND-VP ngày 15/6/2026
11	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	7737/TPHCM-QLĐ ngày 26/6/2026

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngày 03 tháng 02 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 1153/BNNMT-QLĐĐ gửi Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về triển khai Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi các thủ tục hành chính về đất đai đã được rà soát hoàn thiện trong quá trình soạn thảo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP để tham khảo trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định. Cụ thể gồm: - Tại tiết d1 điểm d khoản 2 Mục	Cơ quan soạn thảo tiếp thu một phần ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Đối với nội dung về phân công trách nhiệm giữa các cơ quan: Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã rà soát, điều chỉnh Điều 4 dự thảo Quyết định nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để các cơ quan, đơn vị xác định số tiền người

		<p>I Phần C Phụ lục 2, quy định:</p> <p>“d) Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:</p> <p>d1) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường chuyên thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này.”.</p> <p>- Tại Mẫu số 06 (Quyết định giao đất; cho thuê đất; giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng) có thể hiện nội dung: “Cơ quan tài chính cấp tỉnh hoặc cấp xã xác định số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp; thông báo số tiền phải nộp; thu tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.”.</p> <p>- Tại Mẫu số 11 (Phiếu chuyển</p>	<p>sử dụng đất phải nộp khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.</p> <p>- Đối với nội dung quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời gian giải quyết: Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến góp ý, tuy nhiên không tiếp thu đề điều chỉnh dự thảo.</p> <p>Lý do: Dự thảo Quyết định này được xây dựng nhằm quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố tại khoản 6 Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Nội dung về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết và trách nhiệm xử lý hồ sơ đã được quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, hiện nay Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1153/BNNMT-QLĐĐ. Do đó, việc quy định lại các nội dung nêu trên trong dự thảo Quyết định này</p>
--	--	---	--

		<p><i>thông tin về diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa) có thể hiện nội dung: “Cơ quan nông nghiệp và môi trường (cấp tỉnh/xã gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm căn cứ xác định số tiền phải nộp của cơ quan, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.”.</i></p> <p>Đồng thời, theo Công văn số 409/PGD3-KTNN ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực II gửi Thuế cơ sở 19 về việc hỗ trợ cung cấp mã cơ quan quản lý thu và mã địa bàn hành chính khi thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thì cơ quan quản lý thu là Sở Tài chính (trích dẫn nội dung từ Công văn số 1643/TPHCM-QLĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>Do đó, việc phát hành thông báo số tiền phải nộp để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa và chịu trách nhiệm thu khoản tiền này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính.</p>	<p>không thuộc phạm vi được giao quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời có thể dẫn đến trùng lặp, chồng chéo với các quy định của pháp luật hiện hành.</p>
--	--	--	---

		<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Sở Tài chính rà soát quy định pháp luật, điều chỉnh nội dung tại Điều 4, theo đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực hiện trình tự, thủ tục, thời gian tối đa thực hiện trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ phải nộp để thực hiện việc xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp bảo đảm tinh thần cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.</p>	
<p>Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất</p>	<p>Ủy ban nhân dân xã Phước Hải</p>	<p>Tại nội dung dự thảo Quyết định: “Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất</p> <p><i>1. Cơ quan nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng đất làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính theo Quyết định này và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về trình tự, thủ tục liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất.</i></p> <p><i>2. Cơ quan thuế có trách nhiệm xác định, thông báo và tổ chức thu</i></p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân xã Phước Hải và đã rà soát, điều chỉnh Điều 4 dự thảo Quyết định nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để các cơ quan, đơn vị xác định số tiền người sử dụng đất phải nộp khi chuyển</p>

		<p><i>khoản tiền theo quy định tại Quyết định này trên cơ sở thông tin do cơ quan nông nghiệp và môi trường cung cấp ...”.</i></p> <p>Tuy nhiên, căn cứ điểm d1 khoản 2, II, mục C Phụ lục II Công văn số 1153/BNNMT-QLĐĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường về việc triển khai Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “2. <i>Trình tự thực hiện:</i> d) <i>Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:</i></p> <p>“d1) <i>Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường chuyển thông tin theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cơ quan tài chính xác định và ban hành Thông báo số tiền phải nộp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này.</i>”.</p> <p>Do đó, Ủy ban nhân dân xã Phước Hải có ý kiến góp ý Sở Tài chính xem xét để thống nhất nội dung về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khi xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất</p>	<p>mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.</p>
--	--	--	--

		trồng lúa.	
Bổ sung cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí thu được	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM	Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế công khai, minh bạch thông tin về nguồn thu và mục đích sử dụng nguồn kinh phí thu được từ việc chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa, nguồn kinh phí này cần được phân bổ, ưu tiên đầu tư ngược lại cho các dự án phát triển hạ tầng nông nghiệp, hỗ trợ nông dân tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa tại các khu vực quy hoạch nông nghiệp bền vững của Thành phố.	<p>Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM, tuy nhiên không tiếp thu để điều chỉnh dự thảo.</p> <p>Lý do: Dự thảo Quyết định này được xây dựng nhằm quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo thẩm quyền được giao. Nội dung về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được; công khai, minh bạch ngân sách và phân bổ nguồn lực đầu tư công được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan. Do đó, việc quy định các nội dung nêu trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định.</p>
Bổ sung Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Tại dự thảo hồ sơ của Sở Tài chính không đề cập đến việc Quyết định có quy định liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; dự thảo hồ sơ không có Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đính kèm. Do đó, Sở Khoa học và	<p>Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ và đã rà soát, xác định dự thảo Quyết định không có nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; do đó không thuộc trường hợp phải lập Bản đánh giá theo quy định.</p>

		<p>Công nghệ chưa có cơ sở có ý kiến đối với nội dung này. Trường hợp, Sở Tài chính xác định dự thảo Quyết định có quy định nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đề nghị Sở Tài chính bổ sung Bản đánh giá theo mẫu số 06-Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gửi về Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến theo quy định.</p>	
<p>Phần căn cứ ban hành</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>Đề nghị Sở Tài chính không ghi căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Vì đây là quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; không phải là văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p> <p>Đồng thời, tại đoạn cuối cùng trong phần căn cứ ban hành văn bản, đề nghị Sở Tài chính xem xét điều chỉnh theo đúng Mẫu số 19 Phụ lục</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và đã rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; - Chỉnh sửa câu kết phần căn cứ ban hành văn bản theo đúng Mẫu số 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

		III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP như sau: “ <i>Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ...</i> ”.	
Điều 3. Mức nộp tiền	Sở Tư pháp	<p>Tại dự thảo Tờ trình, Sở Tài chính chỉ so sánh giữa nhóm đất ở, đất thương mại dịch vụ với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác để đề xuất phân nhóm tỷ lệ (%) mức nộp tiền theo nhóm chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất ở, đất thương mại, dịch vụ và nhóm chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (trừ đất ở, đất thương mại, dịch vụ). Vì vậy, căn cứ quy định về phân loại đất phi nông nghiệp nêu trên, đề nghị Sở Tài chính rà soát, xác định rõ ngoài việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (thuộc nhóm đất phi nông nghiệp) thì việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp (như đất đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt, đất phi nông nghiệp khác) có thuộc trường hợp phải nộp tiền theo quy định tại khoản 6 Mục I Phần III Phụ lục I Nghị định</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu một phần ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.</p> <p>- Về rà soát phạm vi đối tượng áp dụng: Cơ quan soạn thảo đã rà soát và xác định pháp luật đất đai đã quy định thống nhất về nhóm đất phi nông nghiệp. Do đó, cơ quan soạn thảo không tiếp thu đề điều chỉnh dự thảo đối với nội dung đề nghị liệt kê chi tiết từng loại đất phi nông nghiệp, nhằm bảo đảm tính khái quát, thống nhất và tránh trùng lặp với quy định của pháp luật đất đai.</p> <p>- Về kỹ thuật trình bày tại đoạn mở đầu Điều 3: Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã điều chỉnh để bảo đảm rõ ràng, thống nhất với quy định pháp luật.</p>

		<p>số 151/2025/NĐ-CP hay không.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị Sở Tài chính xem xét điều chỉnh đoạn đầu tiên tại Điều 3 dự thảo cho phù hợp như sau: “<i>Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa thì ngoài nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật, còn phải nộp một khoản tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, cụ thể như sau: ...</i>”.</p>	
<p>Điều 5. Điều khoản thi hành</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>Đề nghị Sở Tài chính xem xét điều chỉnh quy định tại Điều 5 dự thảo như sau: “Điều 5. Điều khoản thi hành</p> <p>1. <i>Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.</i></p> <p>2. <i>Các Quyết định sau bị bãi bỏ kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:</i></p> <p>a) <i>Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất</i></p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và đã rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định theo hướng bãi bỏ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p>

		<p><i>chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</i></p> <p><i>b) Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định mức nộp tiền khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”.</i></p>	
Về thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo	Sở Tư pháp	<p>Đề nghị Sở Tài chính rà soát, điều chỉnh thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo theo đúng quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (ví dụ như điều chỉnh kỹ thuật trình bày điều, khoản, điểm tại Điều 3 dự thảo theo quy định tại điểm b Mục 2 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; tại phần nơi nhận của dự thảo, điều chỉnh “<i>Trung tâm công báo Thành phố</i>” thành “<i>Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố</i>”;...).</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và đã rà soát và chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định bảo đảm phù hợp quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; đồng thời điều chỉnh các nội dung về kỹ thuật trình bày điều, khoản, điểm và thông tin tại phần nơi nhận theo đúng quy định hiện hành.</p>
Về thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo	Sở Nội vụ	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu trình bày theo Mẫu số 19. Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (quy định trực tiếp) tại</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Nội vụ và đã rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định theo đúng Mẫu số 19 Phụ lục III ban</p>

		Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ để đảm bảo các nội dung của dự thảo văn bản phù hợp quy định pháp luật trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp quy định pháp luật về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.
Giải thích thuật ngữ	Ủy ban nhân dân phường Thủ Dầu Một	Đề nghị bổ sung về việc xác định “ <i>đất chuyên trồng lúa là đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên</i> ” theo điểm a, khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai nhằm làm rõ cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.	Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến góp ý của Phường Thủ Dầu Một, tuy nhiên không tiếp thu để điều chỉnh dự thảo. Lý do: Nội dung xác định “ <i>đất chuyên trồng lúa là đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên</i> ” đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. Do đó, không quy định lại trong dự thảo Quyết định để bảo đảm tránh trùng lặp quy định pháp luật đất đai.
Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất	Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn	Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn đề xuất điều chỉnh khoản 1 Điều 4 Dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính và Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: “Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất 1. Cơ quan nông nghiệp và Môi trường (đề xuất cần điều chỉnh nêu rõ trách nhiệm thuộc về cơ quan, đơn vị nào thuộc Ủy ban nhân dân	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn. Theo đó, đã rà soát và chỉnh lý Điều 4 dự thảo Quyết định theo hướng sử dụng cụm từ “ <i>cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường</i> ” phù hợp với quy định của pháp luật và tổ chức bộ máy hiện hành.

		<i>các xã, phường và đặc khu Côn Đảo)</i> ”.	
Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	<p>Tại dự thảo Tờ trình, Sở Tài chính căn cứ điểm a, b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ đề xuất trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất tại Điều 4 dự thảo Quyết định. Tuy nhiên, các điểm này hết hiệu lực bởi tiết g1 điểm g khoản 3 Điều 16 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 31 tháng 01 năm 2026.</p> <p>Do vậy, để đảm bảo chặt chẽ hồ sơ trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Sở Tài chính rà soát căn cứ pháp lý quy định trách nhiệm của cơ quan nông nghiệp và môi trường, cơ quan thuế, người sử dụng đất và các cơ quan có liên quan, làm cơ sở quy định Điều 4 dự thảo quyết định.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và đã soát nội dung căn cứ đề xuất Điều 4 về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất được nêu tại dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính và điều chỉnh Điều 4 của dự thảo Quyết định cho phù hợp với quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để các cơ quan, đơn vị xác định số tiền người sử dụng đất phải nộp khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.</p>
Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất	Ủy ban nhân dân phường Tam Long	<p>Ủy ban nhân dân phường Tam Long nhận thấy nội dung tham mưu vẫn còn chưa thống nhất giữa Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan trong việc xác định số tiền phải nộp để bổ sung diện tích</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân phường Tam Long và đã rà soát, điều chỉnh Điều 4 dự thảo Quyết định nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01</p>

		<p>đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dự thảo kèm theo Công văn số 14593/STC-QLG ngày 04/6/2026 của Sở Tài chính, cơ quan thuế có trách nhiệm xác định, thông báo và tổ chức thu khoản tiền. - Nhưng cùng ngày 04/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 16771/SNNMT-QLĐ đề nghị các cơ quan, đơn vị góp ý đối với dự thảo quy định về trình tự, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo quy định cơ quan tài chính là cơ quan có trách nhiệm xác định. 	<p>năm 2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để các cơ quan, đơn vị xác định số tiền người sử dụng đất phải nộp khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.</p>
<p>Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất</p>	<p>Thuế Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 15 và tiết g1 điểm g khoản 3 Điều 16 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>Căn cứ khoản 6 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ).</p> <p>Do trên, đối với nội dung về Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người sử dụng đất tại dự thảo Quyết</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và đã rà soát, điều chỉnh Điều 4 dự thảo Quyết định nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để các cơ quan, đơn vị xác định số tiền người sử dụng đất phải nộp khi chuyển</p>

		<p>định (Điều 4) thì không quy định thêm để tránh trùng lặp, mâu thuẫn với dự thảo Quyết định Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và dự thảo Quyết định Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.</p> <p>Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã gửi các thủ tục hành chính về đất đai đã được rà soát hoàn thiện trong quá trình soạn thảo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP để tham khảo trong quá trình tổ chức thực hiện tại Công văn số 1153/BNNMT-QLĐĐ ngày 03/02/2026.</p>	<p>mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.</p>
--	--	--	--

